

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19
theo Quyết định số 218/QĐ-BYT của Bộ Y tế
(tuần đánh giá từ ngày 05/12/2022 đến ngày 11/12/2022)

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP về quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Công văn số 970/SYT-NVY ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế về quy trình đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 8372/SYT-NVY ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Sở Y tế về việc cập nhật hướng dẫn đánh giá cấp độ dịch đối với chỉ số tỷ lệ tiêm chủng đủ mũi vắc xin Covid-19;

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ báo cáo cấp độ dịch Covid-19 trong tuần từ ngày 05/12/2022 đến ngày 11/12/2022 trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Xã Bình Khánh: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã An Thới Đông: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Tam Thôn Hiệp: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Lý Nhơn: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Long Hòa: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Thị trấn Cần Thạnh: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Thạnh An: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);

(Đính kèm báo cáo chi tiết)

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 từ ngày 05/12/2022 đến ngày 11/12/2022 trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Sở Y tế thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Thành viên BCD phòng chống, dịch bệnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- VP: CVP, PVP/TH;
- Lưu: VT, YT-Ho.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Xuân



UBND HUYỆN CẦN GIỜ
ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH (COVID-19) TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
Theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế
(Đính kèm Báo cáo số 3596 /BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Thời điểm đánh giá: Tuần thứ 50/2022 (05/12/2022-11/12/2022)

Xã, thị trấn	Dân số	Dân số > 50 tuổi	Số hộ	Chỉ số 1a			Chỉ số 1b			Chỉ số 1c			Chỉ số 2a			Chỉ số 2b			Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a			Khả năng đáp ứng 3b			Khả năng đáp ứng 3c			CẤP ĐỘ DỊCH			
				Số ca mắc mới trong tuần	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/ 100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy Trung Bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/ 100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/ 100.000 dân	Chỉ tiêu tỷ lệ số ca tử vong <= 6/100.000	Số mũi tiêm đủ mũi mới theo CV 8372 từ ngày 5/12/2022 Tỷ lệ tính bằng (tổng trẻ 5 - <12 tiêm đủ mũi cơ bản + người từ 12 tuổi trở lên tiêm đủ mũi cơ bản và nhắc 1)/ tổng dân số		Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số mũi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (NCC) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	TYT cố định + TYT lưu động + Tổ COVID cộng đồng	Tỷ lệ sản sang quản lý, chăm sóc/ 10.000 dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/N)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (>=4/10.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c		
														Chỉ số 1a	Chỉ số 1a																		
Huyện	75750	17498	19319	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	5701	61616	88,37%	Đạt	16845	96,27%	Đạt	Đạt	1	3	1149,1	Cao	515	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Bình Khánh	22026	4497	5327	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	1567	16965	84,14%	Đạt	4107	91,33%	Đạt	Đạt	1	4,3	807,2	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
An Thới Đông	14253	3028	3592	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	1193	12392	95,31%	Đạt	3028	100,00%	Đạt	Đạt	1	3,2	890,9	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Tam Thôn Hiệp	5946	1268	1544	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	504	4638	86,48%	Đạt	1247	98,34%	Đạt	Đạt	1	2,8	1813,5	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Lý Nhơn	6339	1436	1530	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	502	5295	91,45%	Đạt	1298	90,39%	Đạt	Đạt	1	2,6	1699,3	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Lòng Hòa	11582	2985	2930	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	719	9615	89,22%	Đạt	2861	95,85%	Đạt	Đạt	1	2,8	955,6	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Cần Thạnh	11026	3281	3201	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	858	9171	90,96%	Đạt	3315	101,04%	Đạt	Đạt	1	3	1249,6	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Thạnh An	4578	1003	1195	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	Đạt	358	3540	85,15%	Đạt	989	98,60%	Đạt	Đạt	1	2,2	807,2	Cao	677	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1